

CÔNG TY TNHH ĐẠI AN HÙNG
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẠI AN HÙNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 3502391225

3. Ngày thành lập: 25/03/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

117/5/5 Huyện Trần Công Chúa, Phường 8, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
2.	Phá dỡ	4311
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít Chi tiết: Sản xuất sơn	2022
5.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất dầu mỡ bôi trơn	2029
6.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn xăng dầu	4661
7.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng; Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng chở hóa chất;	4933
8.	Trồng lúa	0111
9.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
10.	Trồng cây mía	0114
11.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115
12.	Trồng cây lấy sợi	0116
13.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
14.	Trồng cây ăn quả Chi tiết: Trồng nho; Trồng xoài, cây ăn quả vùng nhiệt đới và cận nhiệt đới; Trồng cam, quýt và các loại quả có múi khác; Trồng táo, mận và các loại quả có hạt như táo; Trồng nhãn, vải, chôm chôm; Trồng cây ăn quả khác	0121
15.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
16.	Trồng cây điều	0123

17.	Trồng cây hồ tiêu	0124
18.	Trồng cây cao su	0125
19.	Trồng cây cà phê	0126
20.	Trồng cây chè	0127
21.	Nuôi trồng thủy sản nội địa Chi tiết: Nuôi trồng thủy sản nước lợ; Nuôi trồng thủy sản nước ngọt, Sản xuất giống thủy sản	0322
22.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
23.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
24.	Xây dựng nhà ở	4101
25.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
26.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
27.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	2815
28.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
29.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
30.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
31.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
32.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
33.	Sản xuất máy luyện kim	2823
34.	Đóng tàu và cấu kiện nổi	3011
35.	Đóng thuyền, xuống thể thao và giải trí	3012
36.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
37.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
38.	Lập trình máy vi tính	6201
39.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
40.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
41.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
42.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt Chi tiết: Khai thác quặng bôxít; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt chưa được phân vào đâu	0722
43.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
44.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
45.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
46.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
47.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
48.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
49.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
50.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430

51.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
52.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
53.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
54.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
55.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
56.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
57.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
58.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp Chi tiết: Ươm giống cây lâm nghiệp; Trồng rừng và chăm sóc rừng lấy gỗ; Trồng rừng và chăm sóc rừng tre, nứa	0210
59.	Khai thác gỗ	0220
60.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
61.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
62.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
63.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
64.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
65.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
66.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
67.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
68.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
69.	Bốc xếp hàng hóa	5224
70.	Hoạt động nhiếp ảnh	7420
71.	Cho thuê xe có động cơ	7710
72.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
73.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
74.	Sản xuất giày, dép	1520
75.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
76.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
77.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
78.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
79.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
80.	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	4921
81.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
82.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990

83.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
84.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý mua bán ký gửi hàng hóa	4610
85.	Chăn nuôi gia cầm Chi tiết: Hoạt động ấp trứng và sản xuất giống gia cầm; Chăn nuôi gà; Chăn nuôi vịt, ngan, ngỗng; Chăn nuôi gia cầm khác	0146
86.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
87.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
88.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
89.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
90.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
91.	Khai thác thủy sản biển	0311
92.	Khai thác thủy sản nội địa Chi tiết: Khai thác thủy sản nước lợ; Khai thác thủy sản nước ngọt	0312
93.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
94.	Khai thác và thu gom than non	0520
95.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
96.	Khai thác quặng uranium và quặng thorium	0721
97.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
98.	Khai thác muối	0893
99.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên	0910
100.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
101.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
102.	Sản xuất đường	1072
103.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
104.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
105.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
106.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
107.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng Chi tiết: Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai; Sản xuất đồ uống không cồn	1104
108.	Sản xuất sản phẩm thuốc lá	1200
109.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
110.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
111.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
112.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu	2420
113.	Đúc sắt, thép	2431
114.	Đúc kim loại màu	2432
115.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
116.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513

117.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
118.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
119.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
120.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
121.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
122.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
123.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
124.	Sản xuất đồng hồ	2652
125.	Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp	2660
126.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
127.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
128.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
129.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
130.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
131.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
132.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
133.	Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống	3520
134.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
135.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
136.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
137.	Thu gom rác thải độc hại	3812
138.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
139.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
140.	Tái chế phế liệu	3830
141.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
142.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Đại lý ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống); Đại lý xe có động cơ khác.	4513
143.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
144.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống); Đại lý phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
145.	Bán buôn thực phẩm	4632
146.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653

147.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
148.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
149.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
150.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
151.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
152.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào lưu động hoặc tại chợ	4781
153.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
154.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
155.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Môi giới bất động sản	6820
156.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
157.	Điều hành tua du lịch	7912
158.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
159.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
160.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác Chi tiết: Photo, chuẩn bị tài liệu	8219
161.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
162.	Dịch vụ đóng gói	8292
163.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
164.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
165.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
166.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
167.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	4774
168.	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp	2021
169.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
170.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa Chi tiết: Trồng rau các loại; Trồng đậu các loại; Trồng hoa	0118
171.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm Chi tiết: Trồng cây gia vị; Trồng cây dược liệu	0128
172.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
173.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
174.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
175.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073

176.	Sản xuất sợi nhân tạo	2030
177.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
178.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
179.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
180.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
181.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
182.	Sản xuất nhạc cụ	3220
183.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
184.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
185.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
186.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
187.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
188.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
189.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
190.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
191.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
192.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
193.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
194.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
195.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
196.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
197.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
198.	Quảng cáo	7310
199.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
200.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
201.	Bán mô tô, xe máy Chi tiết: Bán buôn mô tô, xe máy; Bán lẻ mô tô, xe máy; Đại lý mô tô, xe máy	4541
202.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
203.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
204.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán buôn ô tô con (loại 9chỗ ngồi trở xuống); Bán buôn xe có động cơ khác	4511
205.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701

206.	Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì Chi tiết: Sản xuất bao bì bằng giấy, bì; Sản xuất giấy nhãn và bì nhãn	1702
207.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bì chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất giấy vệ sinh cá nhân và giấy dùng trong gia đình và sản phẩm chèn lót bằng xenlulo; Sản xuất giấy có phủ chất dẻo và giấy dán tường có sợi dệt; Sản xuất nhãn hiệu....	1709
208.	In ấn	1811
209.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
210.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
211.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
212.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
213.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
214.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn sơn, vécni; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi	4663(Chính)
215.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn hóa chất;	4669
216.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt trong xây dựng;	4752
217.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất hóa chất cơ bản;	3290
218.	Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: San lấp mặt bằng	4312
219.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
220.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
221.	Khai thác khí đốt tự nhiên	0620
222.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
223.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt hệ thống Cửa cuốn, cửa tự động; Dây dẫn chống sét; Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung..	4329
224.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: Hoạt động xây dựng kết cấu công trình	4390
225.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy Chi tiết: Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy; Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy; Đại lý phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543

226.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác; Bán buôn hoa và cây; Bán buôn động vật sống; Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa)	4620
227.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
228.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu	4649
229.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
230.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
231.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu	4659
232.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
233.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
234.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
235.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
236.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
237.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
238.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
239.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
240.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
241.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
242.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước	7830
243.	Đại lý du lịch	7911
244.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
245.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
246.	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao	9312
247.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
248.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
249.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631

6. Vốn điều lệ: 2.000.000.000 VNĐ

Thời gian đăng từ ngày 25/03/2019 đến ngày 24/04/2019

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: HÀ LÊ HOÀNG

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 05/07/1992

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 273455161

Ngày cấp: 17/12/2011

Nơi cấp: Công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 117/5/5 Huyện Trân Công Chúa, Phường 8, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: 117/5/5 Huyện Trân Công Chúa, Phường 8, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: HÀ LÊ HOÀNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 05/07/1992

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 273455161

Ngày cấp: 17/12/2011

Nơi cấp: Công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 117/5/5 Huyện Trân Công Chúa, Phường 8, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: 117/5/5 Huyện Trân Công Chúa, Phường 8, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu